

Mùa Vu Lan Báo Hiếu

Ngày 15 tháng 7 Âm lịch

Như Phong sưu tập

Nội Dung

Ý Nghĩa Lễ Vu Lan

Báo Hiếu Theo Kinh Vu Lan

Mùa Vu Lan Nghĩ Về Cha Mẹ Qua Mấy Vần Thư Pháp

Lễ Vu Lan thực sự là lễ Báo Hiếu, tri ân và báo ân

Mùa Vu Lan Báo Hiếu – Thơ

Khảo Sát Về Nguồn Gốc Lễ Vu Lan ở Kathmandu- Nepal



Ý NGHĨA LỄ VU LAN

Hàng năm cứ vào độ trăng tròn tháng Bảy âm lịch, tức khoảng trung tuần tháng Tám dương lịch là ngày lễ Vu Lan trở về. Vào ngày này các chùa Việt Nam và Trung Hoa thường thiết lễ rất trọng thể và các Phật tử đến tham dự rất đông đảo để cầu nguyện cho cha mẹ hiện tiền được an lạc, cha mẹ quá vãng được siêu sanh tịnh độ, cùng là được nghe các thầy giảng về ý nghĩa lễ Vu Lan và đạo hiếu của người con đối với các bậc sinh thành.

Lễ Vu Lan chính thức được bắt nguồn từ một bản kinh ngắn của Phật Giáo Đại Thừa "*Phật Thuyết Kinh Vu Lan Bồn*", do ngài Trúc Pháp Hộ dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán vào đời Tây Tấn, tức khoảng năm 750-801 sau Công Nguyên và được truyền từ Trung Hoa vào Việt Nam, không rõ từ năm nào.

Chữ Vu Lan, vốn phiên âm từ tiếng Sanscrit: Ullambana, Hán dịch là giải đảo huyền, có nghĩa là "*cứu nạn treo ngược*". Giải có nghĩa là gỡ ra cho khỏi vướng mắc, cởi trói buộc, giải mê lầm. Đảo là ngược, cũng có nghĩa bóng là những hành động điên đảo gây nên do sự thấy biết sai lầm, như việc phải cho là quấy và việc quấy cho là phải; do đó tạo nghiệp dẫn đến cảnh khổ. Huyền là treo. Đảo huyền là treo ngược, đầu trở xuống đất, chân đưa lên trời. Cụm từ "*giải đảo huyền*" nghĩa là cởi trói cho người bị treo ngược, gỡ cho họ khỏi gông cùm xiềng xích, khỏi khổ đau ách nạn. Sâu xa, giải đảo huyền còn có nghĩa là giải thoát khỏi tất cả những mối phiền não, những dây luyến ái đã từng trói buộc cái tâm đi luân hồi, giải thoát khỏi sự trói buộc của tâm tham, tâm sân và tâm si.



Kinh Vu Lan kể rằng: sau khi đắc quả A La Hán, đạt được tâm bất sinh, Bồ Tát Mục Kiền Liên muốn độ cho mẹ là bà Thanh Đề, bèn dùng thần thông kiếm tìm mẫu thân, thì thấy bà đang ở cõi ngạ quỷ vô cùng đói khổ. Ngài đem cơm đến dâng mẹ, nhưng mẹ ngài khi được cơm thì lòng tham nổi lên, sợ người khác trông thấy mà đến giành giật hay xin bớt, cho nên bà một tay che bát cơm lại, một tay bốc ăn. Bởi lòng tham lam độc ác trong tiền kiếp nổi bùng lên, nên cơm đưa vào miệng liền biến thành than hồng không ăn được. Ngài vô cùng thương

xót mà không biết làm sao cứu, bèn trở về thưa với Phật, xin ngài từ bi chỉ dạy phương pháp cứu độ mẹ. Phật dạy rằng vào ngày trăng tròn tháng bảy, tức là ngày lễ Tự Tứ [1] của chư Tăng, sau ba tháng an cư kết hạ thanh tịnh, hãy sắm lễ vật và thỉnh chúng Tăng để cúng dường, nhờ sự chú nguyện của chúng Tăng thì mẹ Ngài sẽ được giải thoát. Ngài Mục Kiền Liên tuân theo lời Phật dạy, thỉnh chúng Tăng chú nguyện và nhờ đó mẹ ngài, bà Thanh Đề đã được sanh về cõi trời.



Hình ảnh bà Thanh Đề chụp ngay bát cơm khi ngài Mục Kiền Liên dâng lên, một tay che không cho người khác thấy vì sợ bị gièm, một tay bốc ăn, nói lên cái tâm mê muội tham lam của con người và hình ảnh khi bà vừa đưa tay bốc cơm thì cơm hoá thành than hồng cháy đỏ, bụng đói mà không sao ăn được, nói lên cảnh giới địa ngục. Thật ra ba cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh hay còn gọi là ba đường ác, có thể xuất hiện bất cứ lúc nào trong con người chúng ta. Bất cứ lúc nào chúng ta nóng giận là lửa địa ngục sân hận bùng cháy.

Bất cứ khi nào tham dục nảy sinh trong tâm ta là chúng ta sống trong cảnh giới ngạ quỷ. Địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh là những nơi thọ quả báo của những chúng sanh gieo trồng nhân tham lam, sân hận và si mê. Nếu con người không chế ngự được ba thứ độc dược này thì luôn luôn sống trong toan tính, rồi từ đó ăn không ngon, ngủ không yên, triền miên đau khổ phiền não, luôn sống trong ác mộng và cuộc đời biến thành địa ngục lúc nào không hay biết. Quả là như thế, con người khi tham mà không được thì hay nổi sân và mỗi khi tham và sân chế ngự được tâm chúng ta thì chúng ta không còn kiểm soát được lời nói, ý nghĩ và việc làm nữa, do đó tâm thần trở nên bất an, xao động và hỗn loạn, nói những lời không nên nói, làm những việc không nên làm, và mang nhiều tư tưởng xấu xa đen tối. Nói cách khác, ta đang sống trong cảnh giới địa ngục vậy.

Thật ra, tâm bà Thanh Đề cũng có thể là tâm mẹ quá khứ của chúng ta và cũng có thể là tâm tham sân si của chính mình. Vì thế, muốn được siêu thoát, ngoài **yếu tố chính là cộng lực chú nguyện** của chư Thánh Tăng tác động lên tâm bà Thanh Đề, thì tâm bà Thanh Đề hay tâm mẹ quá khứ của **chúng ta phải tự thức tỉnh, tự chuyển tâm sám hối lỗi lầm. Một khi tâm chuyển là cảnh giới địa ngục của chính mình tan rã, tựa như ánh sáng xoá tan màn đêm đen tối.** Nếu không tự thức tỉnh, không tự chuyển hoá tâm, thì sức chú nguyện của chư Thánh Tăng cũng không thể nào cảm ứng để mà giải cứu

được, bởi vì đối với Phật giáo, việc tái sinh đã không do một đấng sáng tạo mà do theo luật nhân quả tác động thì việc cứu độ vong linh cũng thế, cũng tùy thuộc vào luật nhân quả, chứ không thể cầu khẩn một đấng thần linh nào cứu được. Sở dĩ bà Thanh Đề thoát khỏi cảnh giới địa ngục, sinh về cõi trời là do **sức mạnh bởi sự chú nguyện của chư Thánh Tăng và do sự tự thức tỉnh của bà Thanh Đề**. Khác với sự cầu nguyện nơi một số tôn giáo khác, chú nguyện là tập trung hết năng lượng tư tưởng của mình vào một điều gì mình muốn cho tha nhân. Năng lực được tập trung lại đó có thể làm thay đổi tình thế như tia sáng Laser ngày nay do sự hội tụ của ánh sáng có thể đốt cháy được một vật ở rất xa ngoài không gian. Một ví dụ điển hình khác là các nhà thôi miên, bằng sự tập trung tư tưởng vào một người, có thể nâng người đó lên hay di chuyển thân người đó dễ dàng. Đây là vấn đề sức mạnh của tư tưởng mà các nhà khoa học hiện đại đều công nhận. Các cao Tăng hay còn gọi là thanh tịnh Tăng, sau thời gian ba tháng an cư thiền định thường có tâm lực rất mạnh, dễ dàng **tác động** vào tâm của bà Thanh Đề khiến bà thấu rõ tội ác của mình trong quá khứ và nổi niệm sám hối, chuyển đổi tâm niệm, từ tâm ích kỷ tham lam độc ác, thành tâm vị tha quảng đại. Hễ tâm thay đổi thì ngay đó cảnh giới địa ngục khổ sở tan rã, theo như câu: "**Tội tùy tâm sinh, tội tùy tâm diệt**" hay "**khổ tùy tâm sinh, khổ tùy tâm diệt**". Nhờ vậy bà thoát khỏi cảnh giới ngạ quỷ, rời khỏi chốn địa ngục tối tăm cực khổ mà sinh vào cảnh giới an lành, không có sự can thiệp của thần linh nào vào đây cả. Ngài Mục Kiền Liên, tuy là bậc thần thông đệ nhất nhưng với đạo lực một mình vẫn không thể nào thay đổi được luật nhân quả, cứu vớt nổi mẫu thân, nên đã phải nhờ đến sức chú nguyện tập thể của mười phương Tăng trong ngày Tự tứ.

Chúng ta cũng cần nhớ rằng kinh Phật thường có vô lượng nghĩa, để khế hợp với vô lượng tâm chúng sanh. Đức Phật là bậc đại từ đại bi, sau khi giác ngộ, Ngài trực nhận ra rằng tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, nhưng chỉ vì bị ba thứ độc hại: tham, sân và si mê kéo mà bị dẫn đi trong luân hồi, như trường hợp bà Thanh Đề. Ngài muốn trải ruộng phước cho chúng sinh trồng xuống cây bồ thí, đó là cánh cửa đầu tiên để cho chúng sinh tập hạnh xả bỏ, bớt dấn nhiễm vào của cải, bớt tham lam bòn sẻn, cho nên Ngài dùng phương tiện thiện xảo dạy chúng sinh thực hiện pháp cúng dường chư Tăng, vừa tạo duyên lành cho Phật tử gieo trồng nhân thiện, vừa dạy cư sĩ thực hiện nhiệm vụ hộ trì Tam Bảo, ngõ hầu chư Tăng ni có được đầy đủ vật dụng cần thiết mà an tâm tu hành cho tới giác ngộ, để tiếp tục trao truyền ngọn đèn chánh pháp, độ thoát cho hết thảy chúng sanh khỏi sanh già bệnh tử.

Tương cũng nên biết, trong dịp lễ hội Vu Lan, ngoài việc tụng kinh cầu siêu, thiết lễ cúng dường trai tăng tại các tự viện còn là **ngày xá tội vong nhân**. Đó là ngày tha thứ mọi lỗi lầm, ngày ăn năn, sám hối, mong được tha thứ lỗi lầm. Nhờ ý nghĩa tha thứ những lỗi lầm đó nên cũng chính ngày này chư Tăng, Ni thành tâm chú nguyện cho các vong linh sớm thoát khỏi những kiếp khổ đau. Ngày xá tội vong nhân được dân gian gọi một cách nôm na là **ngày cúng cô hồn**. Lễ cúng cô hồn được truyền từ Ấn Độ vào Trung Hoa vào thời Đường và được truyền sang nước Việt từ năm 1302, [02] sau đó lễ này rất thịnh hành vào thời đại Phật Giáo nhà Trần qua việc tổ chức các trai đàn chẩn tế, gọi là “*diệm khẩu phổ thí pháp hội*” có nghĩa là những đại hội về Phật Pháp để bố thí thức ăn cho loài quỷ đói. Phép này được thực hành trên căn bản một tác phẩm tên là “*Thí Chư Ngạ Quỷ Âm Thực Cập Thủy Pháp*” do Bất Không dịch vào thế kỷ thứ tám, đời Đường [03]. Theo sự tích thì một đêm A Nan Tôn Giả, đệ tử Phật, thấy một con quỷ đói tên là Diệm Khẩu xin A Nan cho ăn cơm. A Nan hỏi Phật, nhân đó Phật chỉ bày phương pháp thí thực cho ngạ quỷ tức là quỷ đói.

Lễ cúng cô hồn **khác** với lễ Vu Lan dù được cử hành trong cùng Ngày Rằm. Một đằng là để cầu siêu cho cha mẹ nhiều đời được siêu thoát, một đằng là để bố thí thức ăn cho những vong hồn chưa được siêu thoát, những vong hồn không nơi nương tựa, không người cúng kiếng. Dần dà về sau tại miền Nam Việt Nam, tập tục cúng cô hồn này biến thể từ hình thức đến nội dung, chuyển từ khuôn viên chùa ra ngoài dân gian và được lan rộng tổ chức tại các xí nghiệp thương mại và tại các công ty tư lập theo truyền tụng rằng, ngày này cửa địa ngục rộng mở, ngạ quỷ được phóng thích, nên cúng tế chúng để được buôn may bán đắt, tai qua nạn khỏi. Ngày xưa cúng cháo hoa và vàng mã cho cô hồn, canh ốc nhồi nấu với chuối xanh cho người sống; ngày nay giết gà, mổ bò, mổ heo làm cỗ linh đình gọi là cúng cô hồn nhưng thực là cúng cho người sống. Là Phật tử chúng ta không nên đi theo vết mòn xưa cũ, chỉ nên cúng chay theo truyền thống mà không nên giết hại súc vật và nên phát tâm bố thí đến những người nghèo khổ cùng là phóng sinh để báo hiếu cho cha mẹ ông bà quá vãng.

BBT

<http://www.thuvienhoasen.org>

Chú thích:

[01] Mùa Hạ ở Ấn Độ thường mưa nhiều, là mùa côn trùng sinh sản, nên đức Phật không muốn cho chúng Tăng đi lại nhiều, giẫm đạp lên chúng. Ngài đại từ đại bi, còn không muốn cho các côn trùng bị nuốt vào bụng người mà chết, nên chư tăng

ni đều phải có đồ lọc nước để cứu chúng trước khi uống nước. Vì thế mới có lệ chư Tăng Ni an cư ba tháng Hạ trong chùa, hay tịnh xá, để học hỏi giáo pháp và tự thanh tịnh tâm. Do đó, trong ba tháng này, Phật tử đem vật thực đến cúng dường tại chùa, vì các sư không đi từng nhà khát thực.

[02] Nguyễn Lang, Việt nam Phật Giáo Sử Luận Tập I, Nhà Xuất Bản Văn Học Hà Nội 1979: <http://www.thuvienhoasen.org/vnphatgiaosuluan1-16.htm>

[03] Kinh Phật Thuyết Cứu Bạt Diệm Khẩu Ngạ Quỷ Đà La Ni

Nguồn: Thư Viện Hoa Sen



(Tranh của www.nguoiaolam.net)



Báo hiếu theo Kinh Vu Lan

Mùa Vu lan về gợi nhắc chúng ta nhớ đến ông bà tổ tiên, cha mẹ, thân bằng quyến thuộc đang hiện hữu hoặc không còn hiện hữu trên cuộc đời này. Thật vậy, dân tộc chúng ta có truyền thống cao đẹp là kính trọng ông bà cha mẹ đang hiện hữu và cả ông bà cha mẹ đã qua đời.

Đối với cha mẹ còn hiện tiền, con cháu phải chăm sóc, phụng dưỡng; không làm tròn việc này là phạm tội bất hiếu. Với người thân đã khuất bóng, phải thờ cúng, làm việc thiện, hoặc giữ trai giới để cầu nguyện cho vong linh được sinh về thế giới an lành.

Trong Phật giáo, hiếu hạnh được quan tâm đặc biệt. Đức Phật dạy rằng không có tội nào lớn hơn tội bất hiếu và không có phước nào lớn hơn là làm tròn hiếu hạnh. Với truyền thống báo hiếu, nhân dân ta cảm nhận sâu sắc hiếu hạnh của ngài Mục Kiền Liên đã cứu mẹ thoát khỏi cảnh giới ngạ quỷ được ghi trong kinh Vu Lan Bồn. Vì thế mà kinh Vu Lan được nhiều người đọc tụng, nhất là trong mùa Vu lan.

Theo kinh Vu Lan, Đức Phật dạy rằng phải nhờ định lực của chư Tăng thanh tịnh mới cứu được vong hồn của cha mẹ tội lỗi đang bị đọa ở chốn đau khổ nhất, là địa ngục và việc cầu siêu nên tổ chức trong mùa an cư của chư Tăng, đó cũng là mùa Vu lan. Vì trong mùa này, chư Tăng cảm túc an cư, trì giới thanh tịnh, đức hạnh cao dày, tạo thành đạo lực mạnh có khả năng cảm hóa được vong hồn đau khổ, bơ vơ ở cõi âm.

“... Hoặ người thọ hạ kinh hành, chẳng ham quyền quý ần danh lâm tòng, hoặ người đặng lực thông tấn phát và những hàng Duyên giác, Thanh văn, hoặ chư Bồ tát mười phương, hiện hình làm sãi ở gần chúng sanh, điều trì giới rất thanh rất tịnh, đạo đức dày chánh định chơn tâm...”.

Đó là mẫu người tu chân chính mà Đức Phật nói với Mục Kiền Liên, hay chỉ cho chúng ta nương nhờ, cúng dường, để họ cầu nguyện mới cứu thoát được vong linh khỏi chốn u đồ và phải đúng mùa an cư, hay mùa Vu lan, chư Tăng tập trung nỗ lực tu hành thanh tịnh mới có định lực siêu độ vong linh.

Đặc biệt là đất nước chúng ta phải trải qua hai cuộc chiến tranh quá khốc liệt trong thời cận đại, khiến chúng ta vẫn luôn hướng tâm thương nhớ, kính quý những vong hồn của các chiến sĩ và đồng bào đã hy sinh trong chiến tranh vì độc lập Tổ quốc, hoặ chúng ta cũng trang trải tình thương đến những người phải chết vì thiên tai, vì dịch bệnh... Vì vậy, chúng ta thường lập đàn cúng chầu tế cô hồn từ ngày 15 đến 30-7, nhờ lực gia trì của chư Tăng thanh tịnh để giải trừ oan khiên cho các vong hồn hết sầu khổ, được an vui, được no ấm và được tái sinh vào cảnh giới an lành.

Trong mùa Vu lan, thực hiện sự báo hiếu theo lời Phật dạy, chúng ta cầu nguyện cho cửu huyền thất tổ, cha mẹ đã khuất bóng hay cha mẹ hiện tiền, cũng cầu siêu cho tất cả các chiến sĩ trận vong và oan hồn uổng tử.

Song song với việc nhớ nghĩ đến người đã quá vãng, chúng ta cần thể hiện lòng biết ơn đối với những thương binh đã hy sinh một phần thân thể cho đất nước, cũng như giúp đỡ những đồng bào còn nhiều khó khăn trong cuộc sống trên mọi miền đất nước.

Thực hiện được như vậy, chúng ta đã thể hiện được mẫu người đệ tử Phật hiện hữu trên cuộc đời vì lợi ích, vì an lạc cho nhiều người.

HT Thích Trí Quảng

Nguồn:<http://www.giacngo.vn/chude/vulan2008/2008/08/21/56C058/>



MÙA VU LAN NGHĨ VỀ CHA MẸ QUA MẤY VẦN THƠ THƯ PHÁP

Thích Hạnh Tuệ

Cứ mỗi độ Vu Lan về, người con Phật khắp muôn nơi hướng vọng về hai đấng sinh thành Cha và Mẹ để tưởng niệm đến công đức sinh thành trời biển. Đã một thời, Cha và Mẹ đó đã sinh ta, nuôi ta, dạy ta... trưởng thành như ngày hôm nay. Nếu không có Cha và Mẹ thì còn nói gì đến sự nghiệp, công danh, tiền tài, vợ chồng, con cái... vốn là những cái tạo nên danh phận của con người trong xã hội. Nếu không có Cha và Mẹ thì còn có ai tồn tại trên cõi đời này nữa đâu. Cha và Mẹ đó như thể là trời, là đất, là dưỡng khí, là ánh nắng, là mưa rào, là cọng rau,

là ngọn cỏ... để từ đó mỗi người con được sinh ra, được che chở, được nuôi lớn, được thụ hưởng, được thành đạt... trong đời.

“Tháng sáu buôn nhân bán trâm, tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân.” Mùa Vu Lan lại về. Tiết Vu Lan lại đến. Xôn xao từ đầu làng, đến cuối xóm; rộn rã từ thôn quê đến thị thành; từ nền văn hóa truyền thống Phật giáo ở các nước phương Đông đến nền văn hóa Phật giáo lan truyền ra hải ngoại phương Tây, đâu đâu cũng thiết lễ Vu Lan Thắng Hội, đâu đâu cũng thiết lễ trai đàn Bạt độ vong nhân. Nương nhờ oai lực của Tam Bảo, Cha Mẹ hiện đời được phước thọ tăng long, bồ đề tâm tăng trưởng; Cha Mẹ đã quá vãng được siêu thăng vào thế giới an lành; chư vị hương linh chiến sĩ trận vong, chư âm linh cô hồn cũng có được bữa ăn no đủ, không bị đọa đày, tra khảo và được thọ sanh không còn vất vưởng.

Nói đến mùa Vu Lan là nói đến Cha và Mẹ. *“Tiết Vu Lan bâng khuâng nhớ Cha công dưỡng dục, mùa Báo hiếu bù ngùi thương Mẹ đức cù lao.”* Hay: *“Vạn cổ tình thâm ân cúc dục, thiên thu nghĩa trọng đạo sinh thành.”* Mà ca dao Việt Nam đã bao lần nhấn mạnh rằng: *“Cảm ơn chín chữ cù lao, sinh thành kể mấy non cao cho vừa.”* Hay *“Cảm ơn chín chữ cù lao, ba năm nhủ bộ biết bao nhiêu tình.”* Sinh (để ra), cúc (nâng đỡ), phủ (vuốt ve), dục (dạy dỗ), súc (nuôi cho bú mớm), trưởng (nuôi cho khôn lớn), cố (trông nom), phúc (là xem tính tình mà chỉ bảo), phước (là bảo vệ) đó là chín chữ cù lao mà không đức con nào trong nhân gian có thể đáp đền cho trọn vẹn được. *“Ơn cha trọng lắm ai ơi, nghĩa mẹ bằng trời mang nặng để đau.”* Thế nên, làm sao mà nói hết được: *“Đó ai đếm được lá rừng, đó ai đếm được mây từng trời cao, đó ai đếm được vì sao, đó ai đếm được công lao mẫu từ”* Lời thơ ấy là minh chứng cho sự bất khả thuyết (không thể nói hết), bất khả tư nghì (không thể nghĩ cho cùng) khi muốn định lượng công đức của Cha và Mẹ. Vì công sinh thành, dưỡng dục ấy đã vượt ra ngoài mọi định chế của nhân gian, không thể cân, đo, đong, đếm... Thế nên: *“Nước biển mênh mông không đong đầy tình Mẹ, mây trời lồng lộng không phủ kín công Cha”* hay *“ân Cha dưỡng dục dường non Thái, nghĩa Mẹ sinh thành tựa biển Đông.”* Núi Thái kia cao vời vợi ấy đâu thể sánh được với công Cha. Biển Đông kia dẫu có mênh mông và thâm sâu đến thế nhưng làm sao sánh nổi với nghĩa của Mẹ hiền. Để rồi, những đứa con khi lớn khôn rong ruổi khắp muôn phương, đối diện với dòng đời xuôi ngược, tất bật với thế thái nhân tình, bôn ba với dòng đời vạn nẻo... mới chợt nhận ra là: *“Đi khắp thế gian không ai thương con bằng Mẹ, gian khổ cuộc đời không ai nặng gánh bằng Cha.”*

Hình bóng của Cha là biểu tượng con sự vững chãi, nghiêm nghị mà tình thương cho con thì sâu kín: *“Cha cho con một cuộc đời, mối tình sâu kín trong lời dạy khuyên, lòng cha nghiêm nghị thiêng liêng, cho con lẽ sống giữa miền trần gian.”*

Chính sự ẩn tàng ấy sâu kín của tình thương Cha ấy đã tiếp cho con bản lĩnh sống giữa cuộc đời. Bản lĩnh và nghị lực sống của con bây giờ có phải chẳng đã di truyền từ Cha: *“Cha là bầu trời, con thơ là hạt bụi, con lặn vào cha từ bé đến muôn đời.”* Và Mẹ cũng vậy, *“Mẹ hiền nhiên như trời đất đã thành, như cuộc đời không thể thiếu trong con”*. Và rồi, từ cái không có gì đó, con được sinh thành, được trưởng dưỡng để lớn khôn. Từ một hạt bụi như muôn ngàn hạt bụi lang thang, con về đây nương gá nơi bào thai Mẹ: *“Hình hài con khi còn là hạt bụi, lớn lên dần qua tim mẹ bao dung.”* Chỉ có tình thương thôi, mà Cha và Mẹ đã tạo dựng nên sắc màu của cuộc sống muôn trùng. Và tình thương ấy không bao giờ phai nhạt. *“Mẹ là sữa ngọt quê hương, rót vào thiên kỳ nguồn thương cho đời.”* Con nên danh phận, hạnh phúc với cuộc đời thì Cha Mẹ vui mừng cho con. Còn nếu như, con thất bại, hiu quạnh giữa muôn người thì Cha Mẹ lại là người gần con nhiều hơn để nâng đỡ, vỗ về, chia sẻ... *“Con dù lớn vẫn là con của Mẹ, đi hết cuộc đời lòng Mẹ vẫn theo con.”* Khi con lớn khôn, bước vào đời, rời xa vòng tay che chở của Cha Mẹ, con đi xa cho thỏa chí tang bồng. Có thể là, con cần phải đi xa để lo cho sự nghiệp của mình. Hay cũng có thể là, con đi xa chứng minh rằng mình đã lớn, đã có thể tự lập được rồi, không còn muốn Cha Mẹ chăm nom nữa... Nhưng dẫu có xa đến đâu, dẫu con có phiêu bạt ở chân trời hay góc biển nào thì tình thương của Cha Mẹ ấy, tấm lòng của Cha Mẹ ấy vẫn dõi theo con như ánh trăng rằm theo người lữ khách đêm khuya. *“Mẹ vàng trắng sáng thiên thu, soi đời con bước lãng du hải hà”* Hơn thua, được mất ở đời... cái gì rồi cũng bị phủ mờ dưới lớp bụi của thời gian. Nhưng tình thương của Cha và của Mẹ thì không hề nhạt đi. *“Biển đông có lúc đầy vơi, chớ lòng cha mẹ suốt đời tràn dâng.”*

Với tình thương mệnh mông của Cha Mẹ ấy, với công đức sinh thành và dưỡng dục ấy... phận làm sao con cái sao có thể quay lưng lại được. Kinh Thi có câu: *“Phụ hệ sinh ngã, mẫu hệ cúc ngã, ai ai phụ mẫu sinh ngã cù lao, dục báo thâm ân, hạo Thiên võng cực.”* Nghĩa là: Cha sanh ta, mẹ nuôi ta, thương thay Cha Mẹ sinh dưỡng ta khó nhọc, muôn báo đáp ơn sâu, ơn đức của Cha Mẹ mệnh mông như bầu Trời. *“Mệnh mông lòng mẹ thương ta, xin hòa thành bản tình ca dâng người.”* Vô phương trước sự báo đáp, đền trả công ơn sinh thành dưỡng dục, những người con chỉ có thể tri ân thôi và cũng chỉ có thể báo bổ trong muôn một thôi. Và nhất là đối với Cha Mẹ còn sinh tiền thì phải hết lòng phụng dưỡng, sớm viếng tối thăm, ân cần thưa hỏi. Chính sự thưa hỏi đó, làm cho Cha Mẹ được nguôi ngoa ở tuổi xế chiều, làm cho Cha Mẹ không cảm thấy cô liêu, quạnh quẽ với cái già, cái bệnh đơn côi. Với dòng chảy của thời gian trôi nhanh vun vút ấy, mấy ai trong nhân gian có thể thoát khỏi cảnh lão bệnh này. Lúc còn trẻ thì Cha và Mẹ đã vì mình mà lam lũ, bôn ba để tạo dựng, xây đắp cho gia đình, con cái. Vì vậy mà khi về già, sức khỏe của Cha Mẹ hao mòn, đau nhức toàn thân. Có bao giờ con đã

trả ơn bằng cách đâm lưng cho Cha, bóp tay cho Mẹ chưa, hay con đã vô tâm bỏ mặc, lãng quên sự đau nhức ấy...

Ôi nói sao cho hết tấm lòng hi sinh cao cả, vô bờ bến một đời của Cha, một đời của Mẹ. Cho nên: *“Ai còn Mẹ xin đừng làm mẹ khóc, đừng để buồn lên mắt Mẹ nghe không!”* Lời nhắn nhủ ấy, gần gũi, thân thương như bài ca “*Bông hồng cài áo*”. *“Rồi một chiều nào đó anh về nhìn Mẹ yêu, nhìn thật lâu, rồi nói, nói với Mẹ rằng “Mẹ ơi, Mẹ ơi, Mẹ có biết hay không ?” Biết gì? “Biết là, biết là con thương Mẹ không ?””*

Mùa Vu Lan năm nay lại về, xin cầu chúc cho hai đấng sinh thành khắp cả mười phương luôn được an lành và hạnh phúc trong tình thương yêu và kính trọng của con cháu. Xin cài lên áo anh, chị, em một đóa hoa hồng để biết là mình đang rất hạnh phúc còn Mẹ trên đời. Và *“Vu Lan đến thêm người cài hoa trắng, trần gian buồn thêm một kẻ mồ cô”*, xin chia buồn với những ai đã không còn Mẹ trên đời. Để rồi một ngày nào đó, *“con về quỳ giữa quê hương, thăm hôn lên những bước đường Mẹ qua.”*

Chùa Phật Đà, San Diego ngày 9/8/2011.

Nguồn: <http://www.thuvienhoasen.org>



(Tranh của www.minhkhai.com.vn)



Lễ Vu Lan thực sự là lễ báo hiếu, tri ân và báo ân

Theo www.ktdt.com.vn

KTĐT - "Lễ Vu Lan thực sự là lễ báo hiếu, tri ân và báo ân. Mỗi một con người, đặc biệt là một phật tử luôn có bốn ơn: Ôn tam bảo, ơn Phật pháp tăng, ơn cha mẹ sinh thành - thầy dạy bảo và ơn đồng bào nhân loại. Trong ngày lễ Vu Lan báo hiếu, người ta đặc biệt trân trọng ơn cha mẹ sinh thành bởi cha mẹ sinh thành là cái gốc của mọi sự."

“Với những ai còn may mắn được cài bông hồng trên ngực áo trong ngày lễ Vu Lan, hãy cố gắng hết lòng vâng lời, hiếu kính, lễ phép với cha mẹ. Đó là may mắn lớn nhất mà người đó còn có được trên cuộc đời này...”

Trong không khí rộn ràng của ngày Rằm tháng Bảy, lễ Vu Lan tri ân và báo ân, Thượng tọa Thích Bảo Nghiêm, Phó Chủ tịch Hội đồng trị sự kiêm trưởng ban Hoằng pháp TW - Giáo Hội Phật giáo Việt Nam, đã trao đổi với phóng viên về nguồn gốc và ý nghĩa sâu xa của ngày này.

Lễ Vu Lan là một ngày lễ truyền thống, là ngày hội với những người con có dịp báo hiếu, tỏ lòng biết ơn với cha mẹ. Vậy nguồn gốc và ý nghĩa sâu xa của ngày lễ này thế nào thưa Thượng tọa?

Theo kinh Vu Lan Bồn thì Mục Liên là một trong mười đệ tử của Đức Phật. Ngài là thần thông số một. Mẹ ngài là Thanh Đề khi sống làm nhiều điều ác. Ngài dùng thiên nhãn thông soi thấy mẹ mình bị đày đoạ dưới địa ngục, gày đói khổ đau. Ngài dùng phép của mình đựng com trong bình bát dâng mẹ nhưng ác nghiệp quá nặng nên com biến thành lửa đỏ than hồng.

Ngài cầu xin đức Phật chỉ phương cách cứu mẹ. Đức Phật chỉ rằng vào ngày Rằm tháng bảy đem hoa quả ngon, thức ăn quý cúng Phật và chư tăng mười phương mẹ sẽ thoát nạn. Mục Liên hồi hướng giúp mẹ thoát kiếp nạn bị lưu đày địa ngục. Đó là nguồn gốc ngày lễ Vu Lan. Thành kính

tri ân, báo ân, báo hiếu với cha mẹ, ông bà tổ tiên là điều cần làm nhất trong mỗi con người nhân dịp lễ Vu Lan.

Lễ Vu Lan thực sự là lễ báo hiếu, tri ân và báo ân. Mỗi một con người, đặc biệt là một phật tử luôn có bốn ơn: Ôn tam bảo, ơn Phật pháp tăng, ơn cha mẹ sinh thành - thầy dạy bảo và ơn đồng bào nhân loại. Trong ngày lễ Vu Lan báo hiếu, người ta đặc biệt trân trọng ơn cha mẹ sinh thành bởi cha mẹ sinh thành là cái gốc của mọi sự. Cha mẹ tạo ra chúng ta thế nhưng muốn có cha mẹ lại phải nhớ đến ông bà tổ tiên, cửu huyền thất tổ. Vì thế, trong những ngày lễ Vu Lan, chúng ta còn phải tưởng nhớ công ơn của cả ông bà, tổ tiên.

Theo tư tưởng của Phật giáo thì việc tỏ lòng biết ơn với đấng sinh thành, ông bà tiên tổ, phật tử - người dân nên phải thực hiện như thế nào cho đúng với đạo lý và truyền thống?

Việc tỏ lòng thành kính, biết ơn với cha mẹ, tổ tiên của mỗi người có những điểm khác nhau phụ thuộc vào hoàn cảnh riêng của mỗi người. Tuy nhiên, Phật dạy rằng có những biểu hiện mà bất cứ ai cũng phải thể hiện được để tỏ lòng yêu kính của mình, nhất là những người trẻ tuổi càng phải nhận thức sâu sắc và thể hiện đúng đạo lý.

Với những ai còn may mắn được cài bông hồng trên ngực áo trong ngày lễ Vu Lan, hãy cố gắng hết lòng vâng lời, hiếu kính, lễ phép với cha mẹ. Đó là may mắn lớn nhất mà người đó còn có được trên cuộc đời này.

Với những ai mà cha mẹ khuất núi rồi hãy giữ vững nề nếp gia phong, dòng tộc, anh em hoà thuận. Thực ra, không chỉ là trong ngày Vu Lan chúng ta mới thể hiện tinh thần Vu Lan mà mỗi người phải có tinh thần Vu Lan trong suốt cuộc đời. Ba trăm sáu mươi lăm ngày trong một năm phải là cả ba trăm sáu mươi lăm ngày lễ Vu Lan trong tâm thức mỗi con người.

Mùa lễ Vu Lan năm nay, những hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam có gì mới so với những năm trước, thưa Thượng toạ?

Năm nay, chúng ta hướng tới Đại lễ 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội. Đây là sự kiện trọng đại mà trong những ngày lễ Vu Lan năm nay, chúng ta không chỉ tưởng nhớ công ơn của ông bà cha mẹ của mình mà còn phải tri ân với quốc gia, các bậc quốc sư, tăng thống...

Mùa Vu Lan năm nay, Giáo hội Phật giáo đặc biệt chú trọng vào giới trẻ, học sinh, sinh viên. Những hoạt động ca múa nhạc hướng về cha mẹ của hội thanh thiếu niên phật tử, những buổi thuyết pháp tại các chùa: chùa Bằng, chùa Sùng Phúc, chùa Kim Liên... Đặc biệt, không đốt vàng mã tránh xa hoa lãng phí lại không ảnh hưởng đến môi trường theo đúng tư tưởng nhà Phật.

Trong bối cảnh rùa tai đỏ đang trở thành hiểm hoạ lan tràn, xâm hại môi trường sống vậy mùa Vu Lan năm nay việc phóng sinh có được nhà chùa quan tâm nhắc nhở các phật tử không ạ?

Phóng sinh và bố thí là sự từ bi của Phật giáo nhằm cứu khổ, cứu nạn cho các sinh linh trên cuộc đời. Việc phóng sinh phải diễn ra tự nhiên đúng quy luật. Chẳng hạn như khi chúng ta ra chợ thấy có một mớ cua, cá, ốc... chúng ta bỏ tiền ra để chuộc sinh mệnh cho chúng rồi thả đi. Như thế gọi là phóng sinh.

Nếu như trước mỗi dịp có nghi lễ phóng sinh, chúng ta lại đặt mua chim, cá, rùa... đặc biệt là rùa tai đỏ nguy hại để phóng sinh là phản quy luật tự nhiên, gây nguy hại môi trường nghiêm trọng. Như thế, chúng ta gián tiếp gây tội ác chứ không phải như vậy là phóng sinh. Ngay từ khi bắt đầu mùa Vu Lan năm nay, tại chùa Bằng nơi tôi trụ trì, tôi đã nhắc nhở các phật tử tuyệt đối không được phóng sinh rùa tai đỏ xuống ao chùa. Vừa rồi, có phật tử xin được phóng sinh hai tải rùa xuống ao chùa nhưng tôi không rõ là rùa gì nên không nhận.

Tại bất cứ buổi thuyết pháp nào, tôi cũng nhắc nhở các phật tử về tác hại và những dấu hiệu phân biệt rùa tai đỏ. Phật giáo có tư tưởng “đĩ sát chỉ sát” nghĩa là giết một con vật để cứu được nhiều con vật khác là không có tội. Còn cứu một con vật lại gây hại nhiều con vật khác là có tội. Chính vì thế, trong dịp lễ Vu Lan năm nay, tôi đã thông báo cho các chùa tại các địa phương phải nghiêm cấm phóng sinh rùa tai đỏ

Nguồn: http://tintuc.xalo.vn/00-1073077401/Le_Vu_Lan_thuc_su_la_le_bao_hieu_tri_an_va_bao_an.html



MÙA VU LAN BÁO HIẾU

VU LAN BÁO HIẾU trọng thâm ân
Tháng bảy người ơi việc rất cần
Ơn Mẹ quyết đền danh kẻ sĩ
Công Cha dốc trả phận hiền nhân
“Mười điều ơn nghĩa” này ghi nhớ*
“Chín chữ cù lao” đó tưởng hằng**
Biển rộng bao la không sánh đôi
Ngời soi khắp chốn đẹp mùa trăng.

26 – 08 – 2012

Nam Khánh - Nguyễn Văn Tỷ

***Mười điều ơn** (Có thể phiên âm Hán Tự sai),
ai giỏi Hán Tự bổ sung giúp (nghĩa tiếng Việt gần như đúng)

1. Thập nguyệt hoài thai (Mười tháng cưu mang)
2. Lâm sản thọ khổ (Sinh đẻ chịu khổ)
3. Sanh tử vong ưu (Sinh con mừng quên lo rầu)
4. Yén thổ nhỏ cam (Uống đắng nhỏ ngọt)
5. Hồ cam tọa tháp (Nhường chỗ khô nằm chỗ ướt)
6. Nhỏ bộ dưỡng dục (Bú mớm và nuôi nấng)
7. Tẩy trạm bất định (Rửa ráy dơ bẩn)
8. Viễn hành ức niệm (Con đi xa cha mẹ trông nhớ)
9. Vị tạo ác nghiệp (Vì con cha mẹ tạo việc chẳng lành)
10. Cứu cánh lân mẫn (Cha mẹ thương con không gì sánh bằng).

**** Chín chữ cù lao**

Cù: Nhọc nhằn – Lao: khó nhọc

1. Sinh: sanh đẻ
2. Cúc: nâng đỡ
3. Dục: dạy dỗ
4. Phủ: vuốt ve triu mến
5. Xúc: cho bú sữa
6. Trưởng: nuôi cho khôn lớn
7. Cố: trông nom
8. Phục: ôm ấp
9. Phúc: bảo vệ

Bài họa của Lê Trường Hương

MÙA VU LAN BÁO HIẾU

Báo hiếu song thân nhớ đại ân
Vu Lan tháng bảy phải chuyên cần
Mẹ công nuôi nấng thành quân tử
Cha đức luyện rèn tạo chính nhân
Ơn nghĩa mười điều ghi trí mãi
Cù lao chín chữ khắc tâm hằng
Sinh thành dưỡng dục ơn trời biển
Phụ mẫu ngồi ngồi tựa ánh trăng.

Lê Trường Hương

Bài hoa của hongle

SÁNG TẠ TRẮNG

Hiếu tử Vu lan báo đáp ân
Làm con trọn đạo phải chuyên cần
Sanh thành, dưỡng dục công trời biển
Vàng ngọc lời nầy của thánh nhân
"Chín chữ cù lao" tâm khắc nhớ
"Mười điều ơn nghĩa" dạ luôn hằng
Trưởng thành, khôn lớn nhờ nơi Mẹ
Từ mẫu cõi lòng sáng tựa trăng

.....HONGLE.....

Nguồn: <http://timloidive.vnweblogs.com/print/22896/378803>



Khảo sát về nguồn gốc Lễ Vu lan ở Kathmandu, Nepal

Trong quá trình 5 năm cư trú tại Nepal, chúng tôi đã có dịp may để khảo sát những phong tục cổ truyền của dân chúng địa phương. Một trong những lễ quan trọng trong năm, cũng có thể nói là quan trọng nhất, của Phật tử ở đây là Đại lễ Vu lan. Lễ Vu lan của Nepal có gì khác với lễ Vu lan tại Trung Quốc và Việt Nam? Nó được thực hiện như thế nào? Nguồn gốc của lễ ấy? Trước tiên chúng

ta hãy nhìn lại nguồn gốc của lễ Vu lan ở Trung Quốc.

Nguồn gốc Lễ Vu lan tại Trung Quốc

Phần này chúng tôi không đi sâu vào chi tiết về từ nguyên, lịch sử hoặc cách thức thực hành nghi lễ. Chỉ điếm qua một số nét chính để có cơ sở so sánh với lễ Vu lan tại Nepal.



Tượng Phật được trưng bày cho Phật tử chiêm bái và cúng dường nhân mùa Gũla

Có lẽ bị ảnh hưởng từ Phật giáo Trung hoa, Phật giáo của Việt Nam, Nhật Bản và Triều Tiên cũng tổ chức lễ Vu lan gần giống như của Trung Hoa. Nói chung, tất cả các nước trên đều tổ chức lễ Vu lan dựa theo bài kinh *Phật thuyết kinh Vu lan* do ngài Trúc Pháp Hộ dịch vào thời Tây Tấn (265-316). Kinh này nói về sự tích Phật dạy ngài Mục Kiền Liên cứu mẹ khi mẹ bị đọa ở địa ngục. Và tất cả đều thống nhất ở một điểm theo truyền thống Phật giáo: ngày rằm tháng Bảy (theo âm lịch Trung Hoa) là ngày chư Phật hoan hỷ, oai lực chư Tăng được tăng trưởng sau ba tháng an cư, và là ngày tự tứ, do đó chư Tăng hội họp đầy đủ.

"...Rằm tháng Bảy là ngày tự tứ

Mười phương Tăng đều dự lễ này

Phải toan sắm sửa chớ chầy

Thức ăn trăm món, trái cây năm màu...".(Phật thuyết Kinh Vu lan)

Thật ra, tập tục cúng bái tổ tiên và tẩy trừ ma quỷ vào dịp rằm tháng Bảy tại Trung Quốc đã xuất hiện từ rất lâu đời (ít nhất là từ đời Hán). Còn Tết Trung nguyên của Đạo giáo thì cũng có trước thế kỷ thứ VII. Khi

Phật giáo truyền đến Trung Quốc, có lẽ trùng hợp về thời điểm và quan niệm báo hiếu nên người Trung Quốc đã hấp thụ lễ Vu lan của Phật giáo và biến lễ Vu lan tại Trung Quốc trở thành một lễ dân gian mang tính tổng hòa của: Tập tục thờ cúng tổ tiên + Tết Trung nguyên của Đạo giáo + Lễ báo hiếu của Phật giáo.



Chư Ni tụng kinh trên đỉnh đồi Swayambhu vào mùa Gũla

Nội dung mang màu sắc Phật giáo có thể thấy qua việc thiết lễ cúng dường chư Tăng và cầu nguyện cho người đã khuất. Còn những tập tục như cúng cô hồn, đốt vàng mã là những tập tục còn sót lại của tín ngưỡng dân gian Trung Quốc. Sau này Mật tông Trung Quốc còn soạn thêm lễ cúng thí ngựa quý. Từ đó có thể thấy lễ Vu lan ở Trung Quốc và các nước ảnh hưởng bởi Phật giáo Trung Quốc không còn thuần khiết và bị pha trộn bởi những yếu tố văn hóa địa phương.

Việc tìm hiểu nguồn gốc lễ Vu lan tốt nhất nên khảo sát tại quê hương bản quán của nó, tức địa bàn Bắc Ấn. Tuy nhiên, Phật giáo tại vùng Bắc Ấn đã tàn lụi hơn 1.000 năm trước, những lễ tiết Phật giáo cũng đã nhạt nhòa theo thời gian.

May mắn thay cho chúng tôi, một địa điểm tại Nepal vẫn còn bảo lưu được lễ Vu lan nguyên thủy: Thung lũng Kathmandu.



Phật tử đi kinh hành cầu nguyện vòng quanh bảo tháp Swayambhu

Gũla - tháng lễ trọng của cộng đồng Newari

Gũla là một lễ hội đặc biệt của Nepal và chỉ duy nhất có ở Thung lũng Kathmandu (Kathmandu Valley), đây chính là nước Nepal cổ đại với tên gọi Nepal-Mandala vào thời Asoka Đại đế.

Xin nói qua một chút về lịch sử của Kathmandu Valley.

Về địa lý, Kathmandu Valley nằm cách Kapilavastu của Vương quốc Sakya 400km. Thung lũng này nằm trên độ cao hơn 2.000m trên mực nước biển và được bao bọc bởi những ngọn núi cao. Đặc điểm này đã làm nên cái tên cổ đại nổi tiếng của thung lũng vì những ngọn núi bao bọc xung quanh giống như những cánh hoa sen trong một đồ hình mandala. Theo huyền sử, Kathmandu chính là một cái hồ lớn vào thời tiền sử (các khảo cứu địa chất mới nhất tại đây đã chứng minh điều này). Những sườn núi xung quanh hồ lớn ấy là nơi cư trú của sắc dân Naga - nhóm chủng tộc Mongoloid của Hymalaya mà địa bàn cư trú kéo dài đến tận Trường Sơn của Việt Nam. Cũng theo huyền sử, ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ tát đã tìm đến đây để chiêm bái Swayambhu (Ánh sáng tự sinh từ một hoa sen do Đức Phật Bipaswi gieo trồng). Ngài Văn Thù đã dùng báu kiếm của mình rạch một lối thoát nước và biến cái hồ ấy trở thành Thung lũng Kathmandu, còn hòn đảo giữa hồ trở thành ngọn đồi Swayambhu ngày nay. Sắc dân Naga sống gần đây đã quy tụ lại dưới sự lãnh đạo của một đệ tử của ngài Văn Thù, sau này được ghi nhận trong sách sử cổ đại của Ấn Độ là Kirat hay Kiran. Bộ tộc Kiran đã từng tham chiến và giúp đỡ có hiệu quả trong cuộc chiến tranh của liên minh các vương quốc Ấn Độ chống đạo quân viễn chinh của Alexander. Sau này, trong công cuộc thống nhất Ấn Độ của Chandragupta (ông nội của Asoka Đại đế), họ trở thành một đồng minh tin cậy của ông trong việc kiến tạo Đế quốc Maurya. Chính Asoka, sau khi hành hương chiêm bái tất cả các thánh tích Phật

giáo của Ấn Độ, đã đi đến Nepal-Mandala vào năm 250 TCN. Ở bốn góc của thành phố cổ Patan (trung tâm quyền lực của Nepal cổ đại) còn tồn tại bốn bảo tháp lớn, được truyền tụng rằng, chúng đã được dựng nên bởi chính vua Asoka khi ông đến thăm Nepal-Mandala. Một huyền sử nữa là vua Asoka đã gả con gái của ông là công chúa Charumati cho một hoàng thân trong triều đình Kiran.



Đội nhạc cổ truyền dẫn đầu mỗi nhóm đi cầu nguyện



Đội nhạc cổ truyền thế hệ trẻ vào mùa Gula

Về truyền thống Phật giáo, có lẽ Phật giáo đã du nhập vào Nepal-Mandala từ thời Đức Phật. Huyền sử cũng nói rằng, chính Đức Phật Thích Ca đã viếng thăm một vương tử Sakya tại Nepal-Mandala trước khi Ngài nhập Niết bàn, và sau này ngài A Nan cũng nhiều lần đến Nepal-Mandala thăm viếng và truyền đạo cho các quý tộc Sakya lưu lạc đến đây sau khi vương quốc Sakya ở Kapilavastu bị tận diệt. Nagarjuna (Long Thọ), Buddhaghosa (Phật Âm), Atisa đều đã đến thăm viếng Thung lũng Kathmandu và Swayambhu. Vì thế Phật giáo tại Kathmandu Valley có một truyền thống sâu xa và vững chắc, kéo dài không ngừng nghỉ suốt từ thời Đức Phật còn tại thế cho đến nay. Đến cuối thế kỷ XIX, những nhà khoa học Anh đã ghi nhận rằng, có đến 80% dân số của Kathmandu Valley theo đạo Phật. Chỉ từ sau khi có luật chống lại Phật giáo vào thời Rana những năm 1910-1930 và những hành động quá khích của chính quyền để thiết lập một vương quốc thuần Hindu, số lượng người theo đạo Phật mới bị giảm sút nghiêm trọng, chỉ còn trên dưới 20% vào thời điểm hiện nay. Mặc dù vậy, hầu hết những gia đình đã cải đạo sang Hindu đều giữ những tập tục Phật giáo của mình. Và điều quan trọng hơn, cộng đồng "thuần túy Phật giáo" Sakya vẫn giữ nguồn mạch Phật giáo chảy mãi tại Kathmandu Valley.



Phật tử đọc kinh tại Golden Temple



Phật tử tụ tập tại "Golden Temple - Patan để đọc kinh Phật cùng Chư Tăng-Ni

Đối với Phật tử của Kathmandu Valley, sự kiện quan trọng nhất trong năm là tổ chức một tháng lễ trọng Gūla.

Gūla là tên của tháng thứ 10 trong lịch Newari (Nepal Era Calendar) - một nguyệt lịch được sử dụng từ năm 880 tại Kathmandu Valley. Gūla là một từ Newari cổ (Newari là ngôn ngữ của cư dân bản địa ở Thung lũng Kathmandu, có nguồn gốc từ ngôn ngữ Bhrami, được sử dụng rộng rãi vào thời vua Asoka). Gūla cấu thành từ "gun" có nghĩa là điềm lành và từ "la" là một khoảng thời gian (trong trường hợp này là một tháng). Chính vì vậy, Gūla có nghĩa "tháng tốt lành". Theo lịch Ấn Độ, Gūla bắt đầu từ ngày thứ nhất của tuần trăng Srawan và chấm dứt vào ngày đầu tiên của tháng Bhada (tháng Tám-Chín). Theo dương lịch, tháng Gūla thường rơi vào khoảng giữa tháng Tám đến giữa tháng Chín, và hoàn toàn trùng khớp với tháng Bảy âm lịch của Việt Nam và Trung Quốc.

Vào tháng Gūla, sau khi lúa đã cấy xong, Phật tử Newari bước vào tháng lễ quan trọng nhất trong năm của họ. Để quan sát hơn cả là việc họ chiêm bái ngọn đồi Swayambhu - Thánh địa Phật giáo quan trọng nhất của thung lũng Kathmandu.

Suốt cả tháng Gūla, Phật tử Newari cầu nguyện, chay tịnh, thiền quán và biểu diễn âm nhạc tôn giáo. Trong tháng Gūla, họ không ăn thịt gà và trứng. Từ rất sớm (4-5 giờ sáng) họ đi bộ (đeo sớ đi chân trần) thành từng nhóm đến Swayambhu cùng với những ban nhạc cổ truyền dẫn đầu mỗi nhóm để thực hiện những buổi lễ đặc biệt, bất kể thời tiết thế nào. Nhạc cụ chính của tất cả các ban nhạc là Dhah (trống 3 tác, một nhạc cụ cổ truyền tồn tại hơn 2.000 năm nay ở Thung lũng Kathmandu, các nhà khảo cổ đã tìm thấy chứng tích của nó từ thời Kiran - Asoka Đại đế). Những chàng trai, cô gái người Newari đeo những cái trống cổ truyền này

trên cổ và vỗ bằng tay trái còn tay phải gõ bằng một cái dùi đặc biệt, đầu cuốn tròn như dấu "?". Nhóm nhạc công tài tử này còn có những người thổi kèn và chơi những cái chập chĩa nhỏ như chén ăn cơm.



Phật tử Tây Phương cũng về Swayambhu cầu nguyện nhân mùa Gūla

Vào tháng Gūla, Swayambhu đông nghịt người chiêm bái, đủ mọi lứa tuổi, mọi thành phần. Không chỉ Phật tử mà cả người theo đạo Hindu (hoặc Phật giáo cải sang Hindu) cũng đi đến Swayambhu để tỏ lòng kính ngưỡng Đức Phật. Họ leo lên 365 bậc đá của ngọn đồi, vượt qua những khu rừng thưa, những tượng đá của các linh vật, những pho tượng Phật cổ bằng đá to ngoại cỡ, và những con khỉ ngồi dọc theo đường đi để chờ thức ăn... để lên tới đỉnh đồi. Người người chen chúc nhau trong không gian chật hẹp và càng chật hẹp hơn bởi đèn dầu, cờ phướn, tượng Phật và tranh cuộn Thangka trang hoàng các tự viện và bàn thờ, bởi mùi nhang trầm hòa quyện cùng tiếng chuông và tiếng quay của những bánh xe cầu nguyện đặt vòng quanh bảo tháp. Đây đó, những nhóm Tăng Ni ngồi tụng thật lớn những bộ kinh Phật cho mọi người cùng nghe, trong khi những nhóm nhạc tài tử thì tụ tập bên cạnh những tháp đá và chơi những bản nhạc cổ truyền hoặc hát lời ngợi ca chư Phật. Theo truyền tụng, việc chiêm bái trong tháng Gūla này đã được thực hiện ở Thung lũng Kathmandu từ nhiều thế kỷ, có lẽ từ 2.500 năm trước. Nghi thức này lặp lại mỗi ngày trong suốt tháng Gūla. Những ngày về sau của tháng lễ, số lượng các nhóm nhạc và người cầu nguyện càng đông khi những người ở xa xôi hơn cũng tề tựu về.



Vajracharya (Giai cấp tư tế Phật giáo của cộng đồng Newar)

đọc kinh Phật nhân mùa Gūla

Tại Patan (thành phố cổ nhất của Thung lũng Kathmandu, nơi được mệnh danh là thành phố Phật giáo), trong khi mưa thỏa cơn khát của đất đai và vạn vật, Phật tử nhắc nhở nhau nhớ lại những lời Phật dạy. Phật tử Newari ở đây thực hiện một tháng lễ quan trọng bằng cách tỏ lòng tôn kính Đức Phật, nhắc nhở nhau cố gắng thực hiện ngũ giới trong cuộc sống hàng ngày, tối thiểu là một tháng.

Những nữ Phật tử tắm gội sạch sẽ và chỉ ăn một bữa mỗi ngày trong suốt tháng Gūla. Mỗi ngày, trước khi nấu nướng thức ăn trong ngày, những người phụ nữ nắn những cái tháp nhỏ bằng đất sét (Caitya) và cầu nguyện trước chúng với lòng tin rằng, hành động đó sẽ tích lũy công đức cho chính họ và gia đình. Những cái tháp nhỏ đó được cầu nguyện và giữ cẩn thận cho đến ngày cuối cùng của tháng Gūla. Vào ngày cuối cùng của tháng Gūla, những người phụ nữ thực hiện một nghi lễ đặc biệt: mặc những bộ trang phục đẹp nhất mà họ có cùng với nữ trang đắt tiền, họ bưng những cái tháp nhỏ trong một cái khay bạc hoặc đồng, theo sau những nhóm nhạc cổ truyền, đi tới một dòng sông gần nhà. Ở đây họ thực hiện nghi lễ cuối cùng trước các caitya rồi đặt chúng xuống nước. Kết thúc mùa Gūla, số Caitya có thể lên đến hơn trăm ngàn cái.



Bảo tháp Swayambhu trong đêm Gūla nhìn từ cửa sổ phòng của tác giả

Vào ngày thứ tám của tháng Gūla, Phật tử ở Patan thực hiện lễ "Pancha Dana" - lễ dâng cúng năm thứ vật thực (gạo lứt, gạo trắng, đậu, lúa mì và muối). Đó chính là lễ cúng dường cho các chư Tăng Ni theo nghi thức cổ truyền. Huyền thoại truyền rằng đó chính là ngày Siddhartha từ bỏ lối tu khổ hạnh để chọn con đường Trung đạo và sau đó chứng ngộ thành Phật. Trong ngày Pancha Dana, các cửa hiệu và nhà cửa trang hoàng với hoa và các tranh tượng Phật. Phụ nữ ngồi trước cửa nhà với những cái bồn bằng đồng chứa đầy 5 thứ phẩm vật dâng cúng (nguồn gốc của Vu lan bồn(?), và dâng mỗi lần đầy hai tay vào bình bát của các Tăng Ni đi khát thực ngang qua theo phong tục được chính Đức Phật thực hành hơn 2.500 năm trước. Các Tăng Ni ban phước lành cho mỗi thí chủ bằng cách cầm những cuốn kinh Phật chạm vào trán của họ, cầu chúc cho họ nhận được phước duyên và sự bảo hộ của chư Phật. Khi trời chạng vạng tối, một nhà sư đi vòng quanh thành phố và lắc một cái chuông báo hiệu kết thúc ngày Pancha Dana, khi đó các Tăng Ni không nhận thêm lễ vật dâng cúng nữa. Sau đó, vào ngày thứ 28 của tháng Gūla, Pancha Dana lại được tổ chức ở hai thành phố khác của Thung lũng Kathmandu là Kathmandu và Bhaktapur.



Kinh Phật cổ được trưng bày nhân mùa Gula

Bahi Doe Boyegu, sự trưng bày các tượng Phật trong sân chùa, rơi vào ngày thứ 12, và có thể kéo dài vài ngày, tùy thuộc vào quyết định của cộng đồng Sakya của tự viện đó. Trong ngày này, những thánh tích và tượng cổ được trưng bày cho công chúng chiêm bái và cầu nguyện. Đó là những tượng gỗ tuổi đời vài thế kỷ, có tượng đã bị mối mọt làm hư hại. Đó là những bức tranh cuộn Thangka, và những tấm thảm treo tường cổ, thể hiện cuộc đời Đức Phật hoặc các Thánh tăng, đó còn là những hạt gạo ngoại cỡ được cho rằng đã được trồng ở Thung lũng Kathmandu vào thời cổ đại. Mỗi ngày có đến hàng trăm người đến chiêm bái ở mỗi tự viện. Tại một ngôi chùa ở Thamel, những cuốn kinh cổ hơn ngàn năm tuổi, viết bằng mực hoàng kim, được trưng bày một lần duy nhất trong năm cũng vào dịp này.

Vào ngày rằm, Phật tử tề tựu tại các bảo tháp Asoka ở Patan để cầu nguyện.

Vào ngày thứ 17, diễn ra lễ Mata-Ya, lễ Đền. Vào ngày ấy, mọi người bưng những cây đèn dầu đi không mệt mỏi vòng quanh khắp các đường lớn, hẻm nhỏ của Patan, để cầu nguyện cho những người thân đã chết. Họ đi chân trần, mặc những bộ đồ đẹp nhất và tụng đọc những bài ngợi ca chư Phật. Đi đầu luôn luôn là những nhóm nhạc cổ truyền.

Bắt đầu từ tờ mờ sáng, những đoàn người kéo đi xuyên qua mê cung của các con đường nhỏ hẹp và hẻm hóc của thành phố cổ Patan, rắc gạo, tiền xu và bột đồ lên tất cả các khám thờ tượng, tháp, chùa, đền dọc theo đường đi. Họ đi càng nhanh khi trời đã đến giữa trưa, và quan niệm rằng càng khổ nhọc bao nhiêu thì người thân đã khuất của họ sẽ bớt đau khổ bấy nhiêu. Họ rắc những đồng xu trên đường đi trong khi gọi tên người thân đã khuất, trong khi những người khác hát vang những bài ca ngợi ca sự chiến thắng của Đức Phật trước ma vương. Đến quá trưa thì hầu hết mọi người gần như kiệt sức, bột đồ chảy dài trên thân thể thành những dòng mồ hôi đỏ, bám đầy cả trên tóc, trên quần áo. Nhưng họ vẫn không dừng lại. Một số thanh niên và đàn ông của những gia đình có người thân chết trong vòng một năm qua cời trần và quỳ lạy trong đất bụi trước mỗi khám thờ dọc đường. Jyapu, cộng đồng nông dân bản địa của Thung lũng Kathmandu, tin chắc rằng lễ Đền là để tưởng niệm người thân đã khuất của họ.

Chúng tôi nghĩ rằng Güla chính là từ nguyên của Vu lan khi phiên âm sang tiếng Trung Quốc. Cũng như Vu lan bồn là để chỉ cái chậu chứa năm thứ vật thực cúng dường chư Tăng trong ngày Pancha Dana.

Một điều thú vị là từ Kathmandu Valley cho đến Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên thì ở đâu tinh thần kính ngưỡng chư Phật, chư Tăng và báo hiếu cũng là trọng tâm của lễ Vu lan. n

Nguyễn Phú (*Nguyệt San Giác Ngộ số 173*)

(Bài viết này có tham khảo tư liệu từ tác giả Đồng Thành, Mary Slusser và văn bản cổ của cộng đồng Newari)

Nguồn: <http://www.giacngo.vn/PrintView.aspx?Language=vi&ID=776052>

Như Phong sưu tập

Việt Lịch 4891

Phật Lịch 2556

Tây Lịch 2012